

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2024/HS-ST
Ngày: 27/9/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Tùng
2. Ông Hàn Nhựt Thái

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Trương Phạm Duy Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2024/TLST-HS ngày 10/9/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-HS ngày 12/9/2024, vụ án được xử công khai, trực tuyến:

Điểm cầu trung tâm đặt tại: Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre;

Điểm cầu thành phần đặt tại: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Đối với bị cáo: **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm 1988 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **số B, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: nhân viên văn phòng; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm: 1960 và bà **Nguyễn Thị Hồng C**; sinh năm: 1964; chồng: **Dương Hoàng V**, sinh năm: 1980; con: có 03 con chung, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền sự: không; tiền án: không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/5/2024 cho đến nay, bị cáo có mặt tại điểm cầu trung tâm.

- Bị hại: **Trương Văn K**, sinh năm 1975; nơi cư trú: **số A, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre**. (Có mặt tại điểm cầu thành phần)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. **Trương Ngọc G**, sinh năm 1994; nơi cư trú: **số A, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre**. (Có mặt tại điểm cầu thành phần)

2. **Nguyễn Minh N**, sinh năm 1989; nơi cư trú: **số E, khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

3. Ban Q xây dựng các công trình giao thông tỉnh Bến Tre. Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H1 – Phó giám đốc (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

4. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B. Đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị Trúc M; Chức vụ: Giám đốc. Có mặt

5. Tổng công ty X, Chi nhánh phía nam – Binh đoàn 12 Bộ Q1. Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Xuân L – Giám đốc. Địa chỉ: số C P, phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành C1 – Giám đốc Xí nghiệp 2. Có mặt

- Người làm chứng:

1. Hồ Văn T1, sinh năm 1970; nơi cư trú: số A, khu phố A, phường D, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

2. Phạm Minh D, sinh năm 1985; nơi cư trú: số A, ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Hồng T là nhân viên hợp đồng không thời hạn của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Bến Tre. Công việc chính của T là tham mưu, thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ tái định cư theo từng dự án được đơn vị giao. Trong biên bản họp đơn vị ngày 08/11/2021, T được lãnh đạo đơn vị giao phụ trách tham mưu, thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ tái định cư, theo dõi tiến độ Tiểu dự án giải phóng mặt bằng đầu tư xây dựng Dự án cầu R nối tỉnh Tiền Giang và tỉnh Bến Tre thuộc địa phận tỉnh Bến Tre. Thông qua chức năng và nhiệm vụ được giao, T đã tham mưu cho đơn vị phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông Hồ Văn T1 các thửa đất số 800, 801, 805 và thửa đất số 833 ở ấp C, xã S, thành phố B. Tháng 04 năm 2022, ông T1 đồng ý nhận tiền bồi thường đối với các thửa đất nói trên và bàn giao mặt bằng lại cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B quản lý (theo biên bản bàn giao mặt bằng ngày 19/5/2022 giữa ông T1 và Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B). Toàn bộ các thửa đất và các tài sản trên đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B trực tiếp quản lý. T chỉ được giao nhiệm vụ lập hồ sơ tham mưu, thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ tái định cư, quản lý hồ sơ đối với các thửa đất trên, không được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý các thửa đất và tài sản trên đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B quản lý.

Khoảng đầu tháng 06 năm 2022, ông Trương Văn K là người thu mua phế liệu tại khu vực đất giải tỏa đền bù Dự án cầu R ở ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Ông K biết được các thửa đất số 800, 801, 805, 833 nêu trên đã được giải tỏa đền bù, trên đất còn cát san lấp đã được chủ đất bơm. Do có ý định muốn mua lại số cát san lấp nói trên và tin tưởng T là cán bộ của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B nên ông K điện thoại cho T nhờ T liên hệ với chủ đất hoặc người quản lý hợp pháp số cát trên để mua. Ông K thỏa thuận với T mua lại số cát san lấp trên các thửa đất trên với

giá 20.000.000 đồng, **T** đồng ý. Ngày 15/6/2022, **T** nhắn tin về số tài khoản của **T** cho con ruột của ông **K** là **Trương Ngọc G**, để ông **K** chuyển tiền cho **T**. Ông **K** đã chuyển khoản cho **T** hai lần vào Số tài khoản: 72110000371482 **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Chi nhánh B** vào ngày 16/6/2022 và 17/6/2022, mỗi lần chuyển 10.000.000 đồng.

Ngày 16/6/2022 ông **K** tiến hành xúc cát san lấp trên các thửa đất nói trên nhưng do không đủ thiết bị và xe chở cát nên chỉ xúc được 8,4m³ cát. Đến ngày 17/6/2022 ông **K** tiếp tục tiến hành xúc cát, nhưng khi xe đang tập kết đến các thửa đất thì **Công an xã S** đến yêu cầu không được xúc cát đi, do đó ông **K** không tiến hành xúc cát nữa. Tối ngày 17/6/2022, ông **K** đến Trung tâm Phát triển quỹ đất **thành phố B** để gặp **T**, **T** nói là cứ tiếp tục xúc cát. Do nghe lời **T** nên ngày 18/6/2022 ông **K** tiếp tục xúc cát, khi đang xúc cát thì **Công an xã S** đến hiện trường và lập biên bản sự việc, trước lúc lập biên bản, ông **K** đã xúc được 118m³ cát (trong đó có 8,4m³ đã xúc ngày 16/6/2022) và số cát này ông **K** đã bán cho ông **Nguyễn Minh N** với giá 65.000 đồng/m³. Sau khi Lực lượng Công an phát hiện, ông **Trương Văn K** đã cho xe đổ hoàn trả lại số cát 60m³ cát cho công trình. Số cát đã xúc còn lại là 58m³ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Bến Tre không yêu cầu ông **K** hoàn trả.

Hiện trường vụ án là khu đất có diện tích 2.171,9 m² đã được san lấp ở **H**, Hố 2. Khu vực Hố 1 có nhiều cỏ mọc ở phần giáp với đất ông **Nguyễn Hồng P**. Khu vực Hố 2 đất thấp hơn mặt lộ Đường tỉnh 883. Tiến hành đo đạc bằng thiết bị chuyên dụng xác định 05 vị trí: ở mặt Đường tỉnh 883 là Vị trí số 1, Vị trí số 2, 3 giáp với đất ông **Trần Văn R**, Vị trí số 4 giáp với đất ông **Đoàn Văn N1**, Vị trí số 5 giáp với đất ông **Nguyễn Hồng P**.

Vật chứng thu giữ: **Nguyễn Thị Hồng T** giao nộp: 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh dương, kiểu máy: V2120, số seri: 10HC4DOJ8C0007F. **Trương Văn K** giao nộp: 01 (một) điện thoại di động hiệu IteL, màu đỏ, số Imei 1: 355149116701620, **Số I** 2: 355149116701638.

Theo Kết luận định giá tài sản số 684/KL-HĐĐG ngày 21/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự **thành phố B** kết luận: Giá trị của 118 m³ cát san lấp vào thời điểm ngày 18/6/2022 là 17.700.000 đồng.

Tại Kết luận giám định ngày 14/8/2023 của **Sở Tài Chính tỉnh B**, kết luận: 1. Ông **Trương Văn K** khai thác cát san lấp tại các thửa đất số 801, 805, 833 ở **Ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre** thuộc mặt bằng thi công gói thầu XL-06, Dự án đầu tư xây dựng **cầu R 2 nối tỉnh Tiền Giang và tỉnh Bến Tre** ngày 16/6/2022 đến ngày 18/6/2022.

Nguyễn Thị Hồng T chỉ được giao nhiệm vụ phụ trách công trình **cầu R nối tỉnh Tiền Giang và Bến Tre** (địa phận tỉnh Bến Tre) tham mưu thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, **T** không được giao nhiệm vụ quản lý các thửa đất thuộc Tiểu dự án giải phóng mặt bằng đầu tư xây dựng công trình **cầu R** vì vậy việc bà **T** đã bán số cát san lấp trên các Thửa đất số 801, 805, 833 tọa lạc **Ấp C, xã S** của ông **Hồ Văn T1** cho ông **K** với số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) là hành vi vi

phạm pháp luật lợi dụng quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ thuộc nhóm hành vi tham nhũng theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 3 của Luật số: 36/2018/QH14 Luật phòng, chống tham nhũng ngày 20/11/2018.

Quá trình điều tra xác định: thời điểm xảy ra vụ án từ ngày 16/6/2022 đến ngày 18/6/2022, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Bến Tre quản lý Nhà nước đối với Dự án **cầu R** và là chủ đầu tư đối với Dự án, có trách nhiệm quản lý chung cho đến khi Dự án hoàn thành. Theo quy định, sau khi nhận mặt bằng do các hộ dân bàn giao, phải giữ nguyên hiện trạng cho đến khi bàn giao cho Chủ đầu tư Dự án và Đơn vị thi công, việc xúc cát trên các thửa đất thuộc 02 Dự án trên đã xâm phạm đến quyền quản lý Nhà nước của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Bến Tre.

Về trách nhiệm dân sự:

Trong ba ngày 19/6/2022, ngày 20/6/2022 và ngày 24/6/2022, **Nguyễn Thị Hồng T** đã chuyển trả cho ông **Trương Văn K** số tiền 20.000.000 đồng.

Ban Q công trình giao thông tỉnh Bến Tre không yêu cầu **Nguyễn Thị Hồng T** hoàn trả lại 58m³ cát còn lại và không có yêu cầu gì khác.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh dương, kiểu máy: V2120, số seri: 10HC4DOJ8C0007F của **Nguyễn Thị Hồng T** và 01 điện thoại di động hiệu IteL, màu đỏ, số Imei 1: 355149116701620, Số Imei 2: 355149116701638 của **Trương Văn K** liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra cần tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Cáo trạng số 65/CT-VKSTPBT ngày 10/9/2014 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 355 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị: Về hình phạt chính: áp dụng: khoản 1 Điều 355; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 đến 03 năm về tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*”.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo nhưng cần áp dụng khoản 5 Điều 355 Bộ luật Hình sự cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ nhất định trong thời gian từ 02 đến 03 năm.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng, bị hại không có yêu cầu nào khác. **Ban Q** công trình giao thông tỉnh Bến Tre không yêu cầu **Nguyễn Thị Hồng T** hoàn trả lại 58m³ cát còn lại và không có yêu cầu gì khác.

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh dương, kiểu máy: V2120, số seri: 10HC4DOJ8C0007F của **Nguyễn Thị Hồng T**;

Trả lại 01 điện thoại di động hiệu IteL, màu đỏ, số Imei 1: 355149116701620, **Số I 2: 355149116701638** cho ông **Trương Văn K**.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị hại **Trương Văn K** trình bày việc bị cáo chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng của ông như nội dung cáo trạng đã nêu. Do ông tin tưởng bị cáo có thẩm quyền quyết định việc cho ông khai thác phần cát san lấp mặt bằng tại các thửa đất đã giải tỏa của ông **Hồ Văn T1** nên ông đã khai thác phần cát này. Sau ông biết được sự việc thì ông đã san lấp mặt bằng trả lại hiện trạng ở những nơi ông đã khai thác cát. Bị cáo đã trả lại cho ông số tiền 20.000.000 đồng, ông không có yêu cầu bồi thường nào khác. Về trách nhiệm hình sự yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật. Ông có bị thu giữ 01 cái điện thoại, ông không có ý kiến gì về việc này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **Trương Ngọc G** trình bày: anh là con của ông **K**, ông **K** có nhờ anh chuyển tiền cho bị cáo 02 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng vào số tài khoản của bị cáo, số tiền đó là của ông **K** chứ không phải của anh, anh không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất **thành phố B** do bà **Nguyễn Thị Trúc M** đại diện trình bày: bị cáo có làm việc tại Trung tâm phát triển quỹ đất **thành phố B** từ năm 2011 theo hình thức hợp đồng lao động không xác định thời hạn, bị cáo được giao nhiệm vụ tham mưu khi thực hiện các phương án bồi thường. Việc bị cáo tự ý cho ông **K** khai thác phần cát san lấp mặt bằng ở phần đất đã giải tỏa của ông **Hồ Văn T1** thì Trung tâm không biết. Trung tâm phát triển quỹ đất **thành phố B** chỉ có nhiệm vụ quản lý để bàn giao cho Ban quản lý dự án và đơn vị thi công công trình chứ không được khai thác hoặc cho bên thứ ba khai thác đối với các phần đất đã giải tỏa mà Trung tâm phát triển quỹ đất **thành phố B** đang quản lý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **Tổng công ty X** do ông **Nguyễn Thành C1** đại diện trình bày: Phần cát khai thác thuộc dự án mà **Tổng công ty X** đang thi công. Công ty đã nhận bàn giao mặt bằng xong, Công ty không cho bất kỳ ai khác thác cát trên phần mặt bằng đã bàn giao, việc bị cáo cho ông **K** khai thác phần cát như đã nêu ở cáo trạng thì công ty không biết. Khi phát hiện ông **K** khai thác cát thì Công ty đã báo với Trung tâm phát triển quỹ đất **thành phố B** và chính quyền địa phương để xử lý. Hiện nay mặt bằng đã được san lấp lại, Công ty không có yêu cầu gì khác.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra **công an thành phố B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ

quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292; Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: **Nguyễn Thị Hồng T** là nhân viên hợp đồng không thời hạn của Trung tâm Phát triển quỹ đất **thành phố B, tỉnh Bến Tre**. **T** chỉ được giao nhiệm vụ lập hồ sơ, tham mưu, thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ tái định cư, quản lý hồ sơ đối với các thửa đất 801, 805, 833 tọa lạc **ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre** thuộc Dự án đầu tư xây dựng **cầu R nối tỉnh Tiền Giang - Bến Tre**. **T** không được giao quản lý trực tiếp các thửa đất trên. Ngày 16/6/2022, **Nguyễn Thị Hồng T** không tuân thủ nhiệm vụ của mình mà sử dụng vượt quá quyền hạn, chức trách, nhiệm vụ được giao, tự ý bán 118 m³ cát sán lấp, trị giá 17.700.000 đồng thuộc quyền quản lý của **Ban Q** công trình giao thông tỉnh Bến Tre cho ông **Trương Văn K** với số tiền 20.000.000 đồng tại các thửa đất số 800, 801, 805, 833, tờ bản đồ số 03 tọa lạc **ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre**.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã cố ý sử dụng vượt quá quyền hạn, chức trách, nhiệm vụ được giao để bán tài không thuộc quyền hạn quản lý, quyết định của bị cáo cho bị hại để thu lợi bất chính số tiền 20.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã ảnh hưởng đến hoạt động quản lý xã hội của nhà nước, xâm phạm đến sự hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức nhà nước đồng thời xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre truy tố bị cáo về tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 355 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày, gây ảnh hưởng sự hoạt động của cơ quan nhà nước.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không có. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: “Bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, “Bị cáo có nghĩa vụ nuôi con nhỏ” và “Có người thân có công với cách mạng, được tặng thưởng Kỷ niệm chương” theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, thấy rằng việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội là không cần thiết; bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự nên giao bị cáo cho chính

quyền địa phương kết hợp cùng với gia đình quản lý cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: xét thấy việc áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là không cần thiết nên không áp dụng nhưng cần thiết cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ nhất định theo quy định tại khoản 5 Điều 355 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng, bị hại không có yêu cầu nào khác. Ban Q công trình giao thông tỉnh Bến Tre không yêu cầu Nguyễn Thị Hồng T hoàn trả lại 58m³ cát còn lại và không có yêu cầu gì khác.

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh dương, kiểu máy: V2120, số seri: 10HC4DOJ8C0007F của Nguyễn Thị Hồng T;

Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Itel, màu đỏ, số Imei 1: 355149116701620, Số I 2: 355149116701638 cho ông Trương Văn K.

[8] Đối với việc ông Trần Văn K1 đã khai thác tài sản của Ban quản lý dự án là do ông K1 tin tưởng bị cáo là người có thẩm quyền bán phần tài sản này nên ông K1 mua và đã trả tiền cho bị cáo; ông K1 không biết bị cáo là người không có quyền quyết định đối với các tài sản này nên mới thỏa thuận mua bán nên cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông K1 là phù hợp nên ghi nhận.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hồng T phạm tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 355; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/9/2024).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Hồng T cho Ủy ban nhân dân xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 355 Bộ luật Hình sự: cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ nhất định trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về xử lý vật chứng, áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh dương, kiểu máy: V2120, số seri: 10HC4DOJ8C0007F của **Nguyễn Thị Hồng T**;

Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Itel, màu đỏ, số Imei 1: 355149116701620, **Số I** 2: 355149116701638 cho ông **Trương Văn K**.

(Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án thành phố Bến Tre đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/9/2024)

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: bị cáo **Nguyễn Thị Hồng T** phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã Phú Hưng, TPBT (1b);
- Bị cáo, Bị hại, NCQLNVLQ (7b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình